**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút*

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

**MÓN SALAT HOA QUẢ**

**(Dành cho 3-4 người ăn)**

**a. Nguyên liệu**

Táo: 2 quả; dứa: 1 quả; dưa chuột: 1 quả; thanh long: 1 quả; cà chua bi: 3 quả; chanh: 1 quả; sữa đặc: 40g; mật ong: 2 thìa canh; sốt mayonnaise: 50g; rau xà lách: 1 cây; đường: đủ dùng. (Có thể sử dụng các loại trái cây theo mùa, phổ biến ở địa phương).

**b. Dụng cụ**

Dao thái, thớt, bát (tô) to, đĩa to, thìa, rổ, găng tay chuyên dụng.

**c.** **Quy trình thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| - Bước 1: Sơ chế nguyên liệu  + Các loại trái cây: làm sạch, gọt vỏ, bỏ hạt (nếu cần), thái miếng vừa ăn; chanh vắt lấy nước cốt.  + Rau xà lách: tách rời các lá, rửa sạch.  - Bước 2: Trộn  + Làm nước sốt: Cho sữa đặc, mật ong, sốt mayonnaise, đường, nước cốt chanh vào bát to trộn đều.  + Trộn hoa quả với nước sốt: cho tất cả hoa quả đã sơ chế vào bát đựng nước sốt, dùng thìa đảo đều để nước sốt ngấm vào các loại hoa quả. |  |

**d. Yêu cầu**

- Nguyên liệu trong món ăn không bị nát.

- Màu sắc hài hòa, có mùi thơm của trái cây.

- Có vị ngọt, chua dịu nhẹ, thanh mát.

*(Phương pháp bảo quả và chế biến thực phẩm*,SGK Công nghệ 6 trang 31, NXB giáo dục, 2021*)*

**Thực hiện các yêu cầu**:

**Câu 1:** Nội dung chính của văn bản trên là gì?

A. Cách chế biến một món salat

B. Cách chế biến món salat hoa quả

C. Giới thiệu về món salat hoa quả

D. Quy trình thức hiện món salat hoa quả

**Câu 2:** Cấu trúc của văn bản “Món salat hoa quả” gồm mấy phần?

A. 2 phần C. 4 phần

B. 3 phần D. 5 phần

**Câu 3:** Các đề mục có vai trò gì trong việc thể hiện các thông tin cơ bản của văn bản?

A. Làm cho văn bản rõ ràng hơn, khoa học hơn

B. Làm cho thông tin chính thể hiện rõ ràng, mạch lạc.

C. Làm cho văn bản đẹp hơn, dễ nhìn hơn

D. Làm cho văn bản khoa học hơn, dễ tiếp nhận

**Câu 4:** Cách làm **“Món salat hoa quả”** được triển khai theo cách nào?

A. Theo trình tự thời gian C. Theo quan hệ nhân quả

B. Theo trình tự không gian D. Theo diễn biến tâm lí

**Câu 5:** Tác dụng chính của các hình ảnh được đưa vào văn bản là gì?

A. Để trang trí, làm cho hình thức văn bản đẹp hơn

B. Định hướng cách đọc văn bản cho người đọc

C. Giúp người đọc dễ hình dung ra món ăn

D. Giúp người đọc hình dung ra cách triển khai văn bản

**Câu 6:** Qua văn bản **“Món salat hoa quả”** cho em hiểu được điều gì trong việc chế biến các món ăn?

A. Các loại hoa quả, rau củ có thể kết hợp với nhau thành món ăn

B. Việc chế biến món ăn không ầu kì, phức tạp

C. Có nhiều món ăn ngon từ các loại rau củ

D. Món ăn đơn giản, tốt cho sức khỏe

**Câu 7:** Nhận định nào sau đây **không đúng** về ngôn ngữ của văn bản?

A. Sử dung cách diễn đạt ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu

B. Sử dụng nhiều biện pháp tu từ

C. Sử dụng những thuật ngữ thuộc lĩnh vực mà văn bản đề cập

D. Chủ yếu sử dụng các câu trần thuật

**Câu 8:** Câu **“Trên bàn ăn, đĩa salat hoa quả bày ra rất ngon ”,** người ta dùng cụm từ để mở rộng thành phần nào?

A. Mở rộng thành phần chủ ngữ

B. Mở rộng thành phần trạng ngữ

C. Mở rộng thành phần vị ngữ.

D. Mở rộng cả chủ ngữ và vị ngữ.

**Câu 9:** Em học được điều gì từ cách trình bày bài văn thuyết minh từ văn bản trên?

**Câu 10:** Theo em, giữa món salat và các món ăn nhanh như hamburger, pizza, gà rán, khoai tây chiên… em thích món ăn nào hơn? Vì sao?

**II. LÀM VĂN (4,0 điểm)**

Em hãy viết bài văn biểu cảm về người bạn thân yêu nhất của em.

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
| **1** | B | 0,5 |
| **2** | C | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | A | 0,5 |
| **5** | C | 0,5 |
| **6** | D | 0,5 |
| **7** | B | 0,5 |
| **8** | A | 0,5 |
| **9** | Em học được từ cách trình bày bài văn thuyết minh từ văn bản trên  -Sắp xếp theo một trình tự  -Đề mục in đậm/ Viết bằng mực khác màu  -Có thể đưa hình ảnh để bài viết sinh động .....  Giáo viên linh hoạt đáp án. | 1,0 |
| **10** | - HS lựa chọn đáp án  - Lí giải lựa chọn  **+ VD: Thích salat**  Vì: Salat cung cấp nguồn chất sơ tự nhiên, tiêu thụ đủ chất xơ mỗi ngày không chỉ giúp giảm cholesterol “xấu”, kiểm soát lượng đường trong máu mà còn hỗ trợ giảm cân, hỗ trợ trong việc ngăn ngừa bệnh đường ruột.  Cung cấp nhiều vitamin tự nhiên  **+ Thích món ăn nhanh**  Vì: Các món ăn nhanh không chỉ bắt mắt, ngon miệng, các món đồ ăn nhanh luôn được phục vụ nhanh chóng và tiện lợi | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn biểu cảm:* Mở bài, thân bài, kết bài | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: Bộc lộ tình cảm, cảm xúc của cá nhân đối với bạn thân. | 0,25 |
|  | *c. Triển khai bài văn theo trình tự hợp lí*  HS triển khai bài văn theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác biểu cảm, kết hợp miêu tả, tự sự. Sau đây là một số gợi ý: |  |
|  | - Giới thiệu về nhân vật biểu cảm (bạn thân).  - Lần lượt biểu lộ những tình cảm, cảm xúc chân thật của người viết qua những phương diện:  + Biểu cảm về ngoại hình.  + Biểu cảm về tính tình, việc làm, sở thích,...  + Biểu cảm về một kỉ niệm đáng nhớ.  - Khẳng định tình cảm, cảm xúc dành cho nhân vật; rút ra điều đáng nhớ đối với bản thân. | 3.0 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | 0,25 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời văn cảm xúc, sinh động, sáng tạo. | 0,25 |

GVBM

Lê Văn Bình 0905168837

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II NĂM HỌC 2023-2024**

**MÔN: NGỮ VĂN 7 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tỉ lệ** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  |
| **TN**  **KQ** | **TL** | **TN**  **KQ** | **TL** | **TN**  **KQ** | **TL** | **TN**  **KQ** | **TL** |  |
| **1** | **Đọc hiểu** | - Bài 8. Nét đẹp văn hóa Việt  - Bài 9. Trong thế giới viễn tưởng | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** | **0** | **60** |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn biểu cảm về con người. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **40** |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ** **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II NĂM HỌC 2023-2024**

**MÔN: NGỮ VĂN 7 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/**  **đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | Vận dụng cao |
| **1** | **Đọc hiểu** | - Bài 8. Nét đẹp văn hóa Việt  - Bài 9. Trong thế giới viễn tưởng | **Nhận biết:**  - Nhận biết thể loại, phương thức biểu đạt chính, đề tài, tình huống truyện, sự kiện, nhân vật, không gian, thời gian,… của truyện khoa học viễn tưởng.  - Nhận biết được số từ, chủ ngữ, vị ngữ, trạng ngữ trong câu.  **Thông hiểu**:  - Hiểu được nội dung, ý nghĩa của văn bản,…  - Hiểu được chức năng của số từ.  **Vận dụng:**  - Biết đặt câu có số từ.  **-** Biết dùng cụm từ để mở rộng thành phần chính, trạng ngữ của câu.  - Từ ngữ liệu rút ra cách ứng xử/bài học cho bản thân. | 3 TN | 5 TN | 2 TL |  |
| *Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa Ngữ văn 7, tập II, Bộ sách Chân trời sáng tạo.* |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn biểu cảm về con người. | **Nhận biết:**  - Xác định được kiểu bài.  - Giới thiệu được đối tượng.  **Thông hiểu:**  Biểu lộ tình cảm, cảm xúc về đối tượng.  **Vận dụng:**  - Biểu lộ trực tiếp cảm xúc về đối tượng.  - Biểu lộ tình cảm, cảm xúc thông qua miêu tả đối tượng.  - Biểu lộ tình cảm, cảm xúc thông qua kể lại đối tượng.  **Vận dụng cao**:  Bài viết có tính mạch lạc bằng các liên hệ thời gian, không gian, tâm lí,… | 1TL\* | 1TL\* | 1TL\* | 1 TL\* |
| **Tổng** | |  | | **3TN** | **5 TN** | **2TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | |  | | **20%** | **40%** | **30%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** | |  | | **60%** | | **40%** | |

**\* Chú thích:** Phần viết có 1 câu bao hàm cả bốn cấp độ. Các cấp độ được thể hiện trong Hướng dẫn chấm.